TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 5 - 2023
V/v: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Văn Thành
2/ Bà Lê Thanh Xuân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa*: Ông Lê Thanh Tưởng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1993

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn D, sinh năm: 1990

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 06/3/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Vào năm 2018 bà với ông D quen biết, tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 27/8/2018, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân quá áp lực và nặng nề, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Văn D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Đặng Văn D đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để ông thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông vắng mặt không lý do, không ý kiến trình bày nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn chưa chấp hành tốt thông báo và triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và quá trình xét xử tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà M ly hôn với ông D. Về con chung: Không có nên đề nghị không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Bà M khai không có, ông D chưa có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác. Đề nghị buộc đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn Đặng Văn D cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố dụng dân sự đây là tranh chấp về ly hôn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Xét về thủ tục tố tụng: Bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Giữa bà M ông D được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng bà M, ông D được Tòa án mời để hòa giải cho đoàn tụ nhưng bà M có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông D vắng mặt không lý do, không ý kiến trình bày, điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà M và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà M được ly hôn với ông D.

[5] Xét về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà M nêu không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, chưa có ý kiến trình bày của ông D nên Hội đồng xét xử chưa xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với bị đơn ông Đặng Văn D. Bà Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với ông Đặng Văn D.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết, nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0012410 ngày 06/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí (bà M đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Tâm